|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /202…/NĐ-CP |  *Hà Nội, ngày tháng năm 202…* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về khu công nghệ thông tin tập trung**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ thông tin tập trung.*

# **Chương I.**

# **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về việc thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ thông tin tập trung; tổ chức quản lý hoạt động, cơ chế, chính sách và hoạt động quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư, thành lập, quản lý và các hoạt động khác liên quan đến khu công nghệ thông tin tập trung.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu công nghệ thông tin tập trung là khu tập trung các hoạt động nghiên cứu - phát triển, đào tạo, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp và các hoạt động khác liên quan đến công nghệ thông tin.

2. Chủ đầu tư khu công nghệ thông tin tập trung là tổ chức, cá nhân sở hữu vốn hoặc người đại diện chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Công trình dịch vụ trong khu công nghệ thông tin tập trung là công trình công cộng được phân loại theo công năng sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng, bao gồm: công trình giáo dục, đào tạo, công trình y tế; công trình thể thao, văn hóa, công viên; công trình thương mại; công trình dịch vụ và các công trình kết cấu khác được xây dựng phục vụ trực tiếp cho người lao động làm việc trong khu công nghệ thông tin tập trung.

### **Điều 4. Mục tiêu của khu công nghệ thông tin tập trung**

Khu công nghệ thông tin tập trung có các mục tiêu sau đây:

1. Hình thành trung tâm về công nghệ thông tin, tạo hạ tầng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin; hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển sản phẩm công nghệ thông tin, phục vụ cho việc đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin;

2. Tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư nhằm thu hút vốn, công nghệ trong và ngoài nước, góp phần xây dựng ngành công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế trọng điểm, quan trọng của quốc gia;

3. Tạo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế, thu hút lao động chất lượng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam;

4. Tạo ra các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin có khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu, góp phần thúc đẩy phát triển các lĩnh vực: Viễn thông, tài chính, ngân hàng, hải quan, hàng không, thương mại, thương mại điện tử và các dịch vụ công cộng, giáo dục, đào tạo, y tế, an ninh, quốc phòng;

5. Góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp Việt Nam; nâng cao vị thế, thương hiệu công nghệ thông tin Việt Nam;

6. Hình thành trung tâm cung cấp hạ tầng và các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

### **Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung**

Khu công nghệ thông tin tập trung có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

1. Thực hiện các hoạt động nghiên cứu - phát triển, ứng dụng, chuyển giao về công nghệ thông tin;

2. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin;

3. Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin;

4. Ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp công nghệ thông tin;

5. Xúc tiến thương mại công nghệ thông tin; tổ chức hội chợ, triển lãm, trình diễn sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin;

6. Xúc tiến đầu tư trong nước và ngoài nước để thúc đẩy hoạt động công nghệ thông tin;

7. Cung cấp hạ tầng, dịch vụ và các điều kiện cần thiết để các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều này.

### **Điều 6. Các hoạt động đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung**

Các hoạt động đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

1. Xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ thuật;

2. Nghiên cứu - phát triển, chuyển giao ứng dụng về công nghệ thông tin;

3. Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin;

4. Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;

5. Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin;

6. Ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp công nghệ thông tin; xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư về công nghệ thông tin;

7. Cung cấp dịch vụ phục vụ các hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung.

### **Điều 7. Tổ chức các phân khu chức năng của khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Khu công nghệ thông tin tập trung được tổ chức thành 02 nhóm phân khu chức năng chính:

a) Nhóm phân khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

- Phân khu sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin;

- Phân khu nghiên cứu - phát triển, tư vấn, đào tạo, vườn ươm công nghệ thông tin;

- Phân khu văn phòng, trụ sở làm việc phục vụ công tác quản lý, điều hành;

- Phân khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối như điện, nước, viễn thông, xử lý môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các hạ tầng kỹ thuật khác;

- Phân khu trưng bày, hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm và truyền thông;

- Phân khu chức năng khác thực hiện các chức năng của khu công nghệ thông tin tập trung.

b) Nhóm phân khu cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

- Phân khu sinh thái và dịch vụ dân sinh;

- Phân khu tài chính hoặc liên kết tài chính, ngân hàng;

- Phân khu chức năng khác cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Khu công nghệ thông tin tập trung có thể không có đầy đủ các phân khu chức năng như quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng tổng diện tích đất Nhóm phân khu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung phải bảo đảm chiếm tối thiểu 50% diện tích đất xây dựng. Việc bố trí, tổ chức từng phân khu chức năng có thể tập trung hoặc phân tán phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu.

3. Mật độ xây dựng của khu công nghệ thông tin tập trung đáp ứng đồng thời các chỉ tiêu sau:

a) Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng toà nhà, cơ sở sản xuất tối đa là 60% diện tích lô đất;

b) Tỷ lệ cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật tối thiểu 21% diện tích toàn khu trở lên.

# **Chương II.**

# **THÀNH LẬP, MỞ RỘNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG**

## **Mục 1. Thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung**

### **Điều 8. Phương hướng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông**

1. Phương hướng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung là một nội dung trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Luật Quy hoạch.

2. Nội dung phương hướng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông bao gồm:

a) Mục tiêu, định hướng phân bổ không gian, các điều kiện, tiêu chí, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong kỳ quy hoạch;

b) Dự kiến số lượng, định hướng sử dụng đất các khu công nghệ thông tin tập trung của các vùng, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong kỳ quy hoạch.

### **Điều 9. Phương án phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong quy hoạch tỉnh**

1. Phương án phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung là một nội dung của quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 của Luật Quy hoạch.

2. Nội dung phương án phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Mục tiêu, định hướng, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung trong kỳ quy hoạch;

b) Danh mục các khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Thể hiện phương án phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung trên bản đồ quy hoạch.

3. Nội dung Danh mục các khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm:

a) Tên của khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Quy mô diện tích và địa điểm dự kiến xây dựng của khu công nghệ thông tin tập trung.

4. Việc lập Danh mục các khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Phát triển khu công nghệ thông tin tập trung với quy mô hợp lý về diện tích mặt bằng, phân bổ hợp lý về ngành nghề chuyên môn, vị trí địa lý để đảm bảo hiệu quả đầu tư; Trong đó ưu tiên phần đất đã được quy hoạch cho xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các khu khác để xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung.

c) Khu công nghệ thông tin tập trung phải có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và có khả năng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, huy động các nguồn lực để phát triển khu khu công nghệ thông tin tập trung;

d) Đáp ứng quy định về bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phòng, chống thiên tai, bảo vệ đê điều, hành lang bảo vệ bờ biển, sử dụng đất lấn biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên;

đ) Phù hợp với phương hướng xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung trong quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

5. Phương án phát triển hệ thống khu công nghệ thông tin tập trung là cơ sở để tổ chức:

a) Lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng mới và mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Lập, điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ sự phát triển của khu công nghệ thông tin tập trung.

### **Điều 10. Điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Điều kiện thành lập khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông và Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt;

b) Chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung phải phù hợp với các quy định tại Điều 5 Nghị định này;

c) Các khu công nghệ thông tin tập trung đang hoạt động trên địa bàn có diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 60%.

2. Điều kiện mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung đã được cơ bản đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch xây dựng chi tiết;

b) Diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 70%.

### **Điều 11. Thẩm quyền và trình tự thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung được lập theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

3. Hồ sơ mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung được lập theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

### **Điều 12. Hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Hồ sơ thành lập khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Đề án thành lập khu công nghệ thông tin tập trung gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc thành lập bao gồm cả các dẫn chứng, tài liệu chứng minh phù hợp các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này;

- Đánh giá các điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung;

- Bản mô tả phương hướng phát triển khu, gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ thông tin; định hướng phát triển các khu chức năng; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được;

- Dự toán tổng mức đầu tư, phương thức huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng và quản lý khu; giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Thể hiện phương án thành lập khu công nghệ thông tin tập trung trên bản vẽ tỷ lệ 1:2000.

2. ﻿Hồ sơ được lập thành 10 bộ, trong đó có ít nhất 02 bộ hồ sơ gốc (01 bộ hồ sơ gốc trình Thủ tướng Chính phủ) và 09 bộ hồ sơ nộp cho Bộ Thông tin và Truyền thông để thẩm định theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này.

### **Điều 13. Hồ sơ mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Hồ sơ mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Đề án mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Báo cáo tổng thể hoạt động khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung: ﻿(i) tổng quan về khu (quá trình hình thành phát triển, mô hình tổ chức quản lý; tổng mức đầu tư qua các thời kì; (ii) Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư, tài chính; (iii) Báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội và môi trường; (iv) ﻿Phương hướng phát triển mở rộng khu;

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc mở rộng bao gồm cả các dẫn chứng, tài liệu chứng minh phù hợp các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này;

- Đánh giá các điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung;

- Bản mô tả phương hướng phát triển khu, gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ thông tin; định hướng phát triển các khu chức năng; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được;

- Dự toán tổng mức đầu tư, phương thức huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng và quản lý khu;

- Thể hiện phương án mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung trên bản đồ tỷ lệ 1:2000;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng và quản lý khu; giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. ﻿Hồ sơ được lập thành 10 bộ, trong đó có ít nhất 02 bộ hồ sơ gốc (01 bộ hồ sơ gốc trình Thủ tướng Chính phủ) và 09 bộ hồ sơ nộp cho Bộ Thông tin và Truyền thông để thẩm định theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này.

### **Điều 14. Thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung sau đây:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết;

b) Sự phù hợp của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung phù hợp với các quy hoạch: hạ tầng thông tin và truyền thông, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

c) Các mục tiêu, chỉ tiêu của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung và bố trí các nguồn lực;

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện tương ứng của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung;

đ) Các giải pháp thực hiện và tính khả thi của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ Hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung, Bộ Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan;

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được quy định nêu tại Điều 11, Điều 12 hoặc Điều 13 Nghị định này, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung hồ sơ. Thời gian bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành có ý kiến gửi Bộ Thông tin và Truyền thông;

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức cuộc họp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm rõ những vấn đề liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

## **Mục II. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung**

###  **Điều 15. Đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thành lập, mở rộng khu công nghệ khu công nghệ thông tin tập trung, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung có thể được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công hoặc bằng nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi khu công nghệ thông tin tập trung có một hoặc nhiều chủ đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Trường hợp khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công, trình tự, thủ tục quyết định phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định tại Nghị định này.

4. Trường hợp khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn khác thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và các quy định của Nghị định này, như sau:

a) Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được tiến hành thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Đầu tư;

b) Nhà đầu tư được lựa chọn theo quy định tại điểm a Khoản này phải hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật nộp cho Cơ quan đăng ký đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Cơ quan đăng ký đầu tư tại Nghị định này là Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

### **Điều 16. Điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản;

b) Điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài dự kiến thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp thì tổ chức kinh tế dự kiến thành lập phải có khả năng đáp ứng điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp chọn áp dụng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì các tiêu chuẩn đánh giá để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở quy mô diện tích, tiến độ thực hiện, tình hình thực hiện của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp hoặc dự án bất động sản khác mà nhà đầu tư đã thực hiện hoặc đã góp vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án; chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập là tổ chức của nhà đầu tư đã thực hiện hoặc đã góp vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án;

c) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở nội dung Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung, Quyết định thành lập khu công nghệ thông tin tập trung của Thủ tướng Chính phủ;

d) Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại được xây dựng trên cơ sở nội dung Quyết định thành lập khu công nghệ thông tin tập trung của Thủ tướng Chính phủ và quy định khác của pháp luật có liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

### **Điều 17. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

1. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;
2. Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;
3. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;
4. Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 15 của Nghị định này; Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được quy định tại Điều 40 Luật Đầu tư.

### **Điều 18. Thời hạn bảo đảm xây dựng và vận hành khai thác khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày được bàn giao đất đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung phải bảo đảm cơ bản hoàn thành việc xây dựng hạ tầng cơ sở như: Đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, xử lý nước thải và môi trường để cung cấp cho các nhà đầu tư.

2. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ thông tin tập trung sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu không đáp ứng quy định theo khoản 1 Điều này và các trường hợp khác theo quy định pháp luật về đầu tư. Trình tự, thủ tục xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ 05 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập, mở rộng đáp ứng theo các tiêu chí quy định tại Điều 19 Nghị định này.

4. Trường hợp khu công nghệ thông tin tập trung không đáp ứng các tiêu chí theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định huỷ bỏ Quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung và thu hồi dự án theo quy định pháp luật về đầu tư.

# **Chương III.**

# **CÔNG NHẬN KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG**

### **Điều 19. Tiêu chí công nhận khu công nghệ thông tin tập trung**

Các tiêu chí công nhận khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

1. Có hoạt động phù hợp các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ thông tin tập trung được quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Có tối thiểu 3000 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ thông tin, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu công nghệ thông tin tập trung. Đối với các khu công nghệ thông tin tập trung chỉ tập trung các cơ sở sản xuất phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin phải có ít nhất 1500 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ thông tin, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Đối với các khu công nghệ thông tin tập trung chỉ tập trung các cơ sở sản xuất phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin thì tổng diện tích đất tối thiểu phải đạt 01 ha. Trường hợp khu công nghệ thông tin tập trung có thêm các hoạt động khác thì tổng diện tích đất tối thiểu phải đạt 05 ha.

4. Có các phân khu chức năng theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

### **Điều 20. Nguyên tắc, thẩm quyền và điều kiện công nhận khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Các loại hình khu khác đang hoạt động đáp ứng theo quy định tại Điều 19 Nghị định này được xem xét công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Các khu được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung phải thực hiện đúng chức năng quy định tại Điều 5, các tiêu chí quy định tại Điều 19 và chỉ được thu hút các hoạt động đầu tư quy định tại Điều 6 Nghị định này.

4. Việc công nhận khu công nghệ thông tin tập trung là căn cứ để áp dụng chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung.

### **Điều 21. Hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc công nhận khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu;

c) Báo cáo tổng thể hoạt động khu bao gồm các nội dung:

- Tổng quan về khu (quá trình hình thành phát triển, mô hình tổ chức quản lý; tổng mức đầu tư qua các thời kì,...);

- Thuyết minh sự phù hợp các tiêu chí quy định tại Điều 19 Nghị định này và các tài liệu giải trình kèm theo;

- Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư;

- Báo cáo tài chính;

- Báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội và môi trường;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý khu sau khi được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung;

- Bản mô tả phương hướng phát triển khu gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ thông tin.

2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 22 Nghị định này.

### **Điều 22. Thẩm định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Thẩm định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các nội dung sau đây:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết của việc công nhận khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Khả năng đáp ứng các tiêu chí khu công nghệ thông tin tập trung quy định tại Điều 19 Nghị định này;

c) Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý khu sau khi được công nhận là khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ Hồ sơ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, Bộ Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành có ý kiến gửi Bộ Thông tin và Truyền thông;

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức cuộc họp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm rõ những vấn đề liên quan;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

### **Điều 23. Đánh giá hiệu quả,** **thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Định kỳ sau 05 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 19 Nghị định này.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận khu công nghệ thông tin tập trung trong các trường hợp sau:

a) Khu công nghệ thông tin tập trung vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai, pháp luật về môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Khu công nghệ thông tin tập trung không đáp ứng tiêu chí xác định khu công nghệ thông tin tập trung quy định tại Điều 19 của Nghị định này trên cơ sở giám sát, đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Theo đề nghị bằng văn bản của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung về việc huỷ bỏ công nhận khu công nghệ thông tin tập trung.

# **Chương IV.**

# **CHUỖI CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUỐC GIA**

### **Điều 24. Mô hình Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia**

1. Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia là khu công nghệ thông tin tập trung do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, bao gồm các thành viên là các công viên phần mềm, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm công nghệ thông tin tự nguyện tham gia với nhau nhằm hợp tác, tương trợ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm.

Thành viên Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia có thể không đáp ứng đầy đủ các điều kiện của khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định.

2. Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia được áp dụng các chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 25. Phát triển thành viên Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia**

1. Trong quá trình hoạt động, Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia được kết nạp thêm thành viên.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kết nạp, huỷ bỏ tư cách thành viên Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### **Điều 26. Quy chế hoạt động của Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia**

Quy chế hoạt động của Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên, địa chỉ; thông tin các thành viên; biểu tượng (nếu có);

2. Điều kiện, thủ tục, hồ sơ kết nạp thành viên;

3. Các trường hợp chấm dứt và thủ tục chấm dứt tư cách thành viên, trong đó quy định cụ thể về điều kiện chấm dứt tư cách thành viên;

4. Quyền, nghĩa vụ của thành viên;

5. Nghĩa vụ tài chính của thành viên;

6. Quản lý tài chính, sử dụng và xử lý tài sản;

7. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức quản lý Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia;

8. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Quy chế;

9. Xử lý vi phạm Quy chế và nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.

10. Nội dung khác.

### **Điều 27. Tổ chức quản lý Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia**

1. Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia được quản lý bởi Ban quản lý do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định thành lập.

2. Ban quản lý chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của Bộ Thông tin và Truyền thông; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý thành viên Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia tại địa phương.

### **Điều 28. Nền tảng số quản lý, vận hành Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng nền tảng số để hỗ trợ, phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ, thực hiện hoạt động quản lý, vận hành và phát triển đối với Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia; hỗ trợ các doanh nghiệp trong Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia trao đổi, kết nối, sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước và đơn vị vận hành Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia cung cấp.

2. Kinh phí xây dựng, vận hành nền tảng số quản lý, vận hành Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

# **Chương V**

# **TỔ CHỨC QUẢN LÝ, HOẠT ĐỘNG TRONG KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG**

### **Điều 29. Mô hình, chức năng của tổ chức quản lý, vận hành khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập tổ chức quản lý và ban hành quy chế hoạt động.

2. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn khác, tổ chức quản lý, vận hành khu công nghệ thông tin tập trung là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức quản lý, vận hành khu công nghệ thông tin tập trung**

Tổ chức quản lý, vận hành khu công nghệ thông tin tập trung có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Quản lý các hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện các hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư;

3. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghệ thông tin tập trung;

4. Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.

# **Chương VI.**

# **CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG**

### **Điều 31. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được ưu đãi đầu tư như khu công nghệ cao theo quy định pháp luật về đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung:

a) Được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

a) Được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Được ưu tiên vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, thực hiện các hình thức huy động vốn hợp pháp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Được đưa vào danh mục dự án thu hút đầu tư;

d) Được hưởng các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng khu công nghệ cao.

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình dịch vụ trong khu công nghệ thông tin tập trung được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

### **Điều 32. Thực hiện dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung chỉ được thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về công nghệ thông tin và các quy định pháp luật liên quan khác.

3. Đối với các dự án lĩnh vực công nghệ thông tin, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông bằng văn bản để đánh giá sản phẩm, dịch vụ, công nghệ của dự án phù hợp với các hoạt động được đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung và phù hợp với định hướng, quy hoạch phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông.

4. Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nếu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để áp dụng ưu đãi, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

### **Điều 33. Hỗ trợ, ưu đãi cho dự án đầu tư hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Khu công nghệ thông tin tập trung là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung để thực hiện các hoạt động bao gồm: sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm; nghiên cứu và sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo pháp luật về công nghệ cao; ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp công nghệ thông tin; nghiên cứu - phát triển công nghệ thông tin được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư của nhà nước áp dụng đối với dự án thuộc Danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

3. Được hưởng các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao. Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng được hưởng nhiều mức ưu đãi theo quy định của pháp luật thì áp dụng mức ưu đãi cao nhất.

### **Điều 34. Quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung được lập trên cơ sở phương án phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trong quy hoạch tỉnh. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung được thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng đối với khu chức năng.

2. Quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung được phê duyệt là cơ sở để tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng (nếu cần); Tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công; tổ chức lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định pháp luật về đầu tư.

3. Khi lập quy hoạch phân khu xây dựng trong khu công nghệ thông tin tập trung thuộc khu vực có quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch. Khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ thông tin tập trung tại khu vực có trong quy hoạch chung xây dựng (nếu có), quy hoạch phân khu xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ.

4. Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung phối hợp với các cơ quan chuyên môn về quy hoạch, xây dựng và ủy ban nhân dân các cấp để tổ chức quản lý các hoạt động quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật.

### **Điều 35. Vốn đầu tư xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, vốn nhà nước được bố trí cho các nhiệm vụ sau đây:

a) Lập quy hoạch, công tác chuẩn bị đầu tư;

b) Giải phóng mặt bằng, rà, phá bom, mìn, vật liệu nổ, san lấp mặt bằng, tái định cư;

c) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm: Hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, giao thông, điện, nước, xử lý môi trường;

d) Xây dựng trụ sở Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung;

đ) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phân khu đào tạo, phân khu nghiên cứu - phát triển công nghệ thông tin;

e) Các chi phí khác phục vụ công tác quản lý thực hiện đầu tư xây dựng của Tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu vực còn lại được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn khác, trong đó ưu tiên huy động các nguồn vốn khác để thực hiện.

3. Đối với khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn khác, tùy theo điều kiện thực tế của từng khu, Nhà nước có thể xem xét ưu tiên hỗ trợ một phần kinh phí cho các nội dung từ điểm a đến điểm c khoản 1 Điều này.

### **Điều 36. Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng của khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước**

1. Kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là một loại tài sản kết cấu hạ tầng thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công.

2. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân thành cấp tỉnh phê duyệt đề án quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

5. Đối tượng được giao quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung là đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông.

6. Quy định chung về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung:

a) Đơn vị được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tài sản, thực hiện báo cáo, theo dõi hạch toán kế toán và bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Đơn vị được giao tài sản trực tiếp tổ chức quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung theo Đề án được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

c) Quản lý, sử dụng tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung

Số tiền thu được từ việc khai thác tài sản được hạch toán riêng và kế toán đầy đủ theo quy định của pháp luật về kế toán và được quản lý, sử dụng như sau:

- Chi trả các khoản chi phí có liên quan;

- Trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có);

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;

- Phần còn lại được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ.

7. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng hoặc các hạng mục khác trong khu công nghệ thông tin tập trung có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng và vận hành công trình kết cấu hạ tầng hoặc hạng mục công trình đó để phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ thông tin tập trung.

Trong trường hợp này, nhà đầu tư không được tính giá trị tài sản công vào tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung và chi phí để tính giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất, các loại phí sử dụng hạ tầng đối với các dự án đầu tư trong khu công nghệ thông tin tập trung.

# **Chương VII.**

# **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG**

### **Điều 37. Nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình và cơ chế, chính sách phát triển khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Quy định và hướng dẫn việc thành lập, xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động của khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận, tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ thông tin tập trung.

4. Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về khu công nghệ thông tin tập trung.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá hiệu quả đầu tư; kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, phát triển và hoạt động khu công nghệ thông tin tập trung.

6. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc bảo đảm các tiêu chí của khu công nghệ thông tin tập trung; việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật tại khu công nghệ thông tin tập trung.

### **Điều 38. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với khu công nghệ thông tin tập trung trong phạm vi cả nước trên cơ sở phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này; chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển và ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về khu công nghệ thông tin tập trung trên phạm vi cả nước;

b) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, thanh tra việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung;

d) Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng và công nhận khu công nghệ thông tin tập trung;

đ) Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin toàn quốc về khu công nghệ thông tin tập trung.

3. Các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của mình đối với hoạt động của khu công nghệ thông tin tập trung hoặc ủy quyền cho tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại Điều 7 Nghị định này; thẩm định và phê duyệt thiết kế cơ sở của dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung; quyết định sử dụng vốn nhà nước để hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghệ thông tin tập trung;

b) Thẩm định, phê duyệt hoặc ủy quyền cho tổ chức quản lý khu công nghệ thông tin tập trung thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận; tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ thông tin tập trung;

d) Quy hoạch đất xây dựng khu tái định cư và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng; hỗ trợ đầu tư xây dựng khu tái định cư, công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh quá trình đầu tư và phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

đ) Chỉ đạo thực hiện việc thu hồi diện tích đất, mặt nước, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định canh, tái định cư và thực hiện các thủ tục cho thuê hoặc giao đất trong khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan;

e) Chỉ đạo các tổ chức có liên quan lập kế hoạch đầu tư và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghệ thông tin tập trung như: đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, cấp thoát nước, truyền thông, cơ sở đào tạo nghề, nhà ở, cơ sở khám chữa bệnh, trường học và các công trình công cộng khác đáp ứng nhu cầu phát triển khu công nghệ thông tin tập trung;

g) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và giám sát việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ giải quyết hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước khác đối với khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định của pháp luật.

# **Chương VIII.**

# **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 39. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các khu công nghệ thông tin tập trung được công nhận, thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của Nghị định này.

4. Các khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đã được thành lập, công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì phương án quản lý, vận hành và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tiếp tục thực hiện theo hình thức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Chuỗi Công viên phần mềm quốc gia trên cơ sở kiện toàn mô hình thí điểm Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung tại Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Các khu thành viên của Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung được Thủ tướng Chính phủ kí quyết định kết nạp được tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định pháp luật.

### **Điều 40. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KGVX (2b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |